Tổng mức bán lẻ hàng hoá và dịch vụ tiêu dùng tháng 1 năm 2019

(Chi tiết ngành, thành phần)

ĐVT: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	Năm 2019			Thực hiện năm 2017	So sánh (%)	
	Thực hiện tháng 12/2018	Ước tháng 1/2019	Năm 2018		Tháng này/tháng trước	Cộng dồn/ cùng kỳ
A	**1**	**2**	**3**	**4**	**5=2/1**	**6=3/4**
Tổng số	**2.608.689,2**	**2.699.860**	**28.679.060,7**	**25.292.500,0**	**103,5**	**113,4**
I. Phân theo loại hình kinh tế						
1. Kinh tế Nhà nước	213.730,0	216.170,0	2.347.186,0	2.313.572,3	101,1	101,5
2. Kinh tế tập thể	2.180,0	2.188,5	22.025,4	19.520,6	100,4	112,8
3. Kinh tế cá thể	1.143.282,8	1.205.342,5	13.122.754,2	11.712.669,7	105,4	112,0
4. Kinh tế tư nhân	1.228.478,4	1.254.697,0	12.956.071,5	11.023.947,3	102,1	117,5
5. Kinh tế vốn đầu tư nước ngoài	21.018,0	21.462,0	231.023,6	222.790,1	102,1	103,7
II. Phân theo ngành kinh tế						
1. Thương nghiệp	2.301.855,1	2.385.761,3	24.336.697,5	21.542.034,0	103,6	113,0
2. Lưu trú và ăn uống	204.614,6	207.081,7	2.314.396,0	1.922.000,0	101,2	120,4
3. Du lịch lữ hành	2.462,0	4.960,0	47.564,8	38.166,0	201,5	124,6
4. Dịch vụ	99.757,5	102.057,0	1.980.402,4	1.790.300,0	102,3	110,6